

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 10 tháng 4 năm 2024  
V/v: Ly hôn giữa chị T và anh Đ

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Đức

2. Bà Lương Thị Nhiễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phân Thị T** - Sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Bị đơn: Anh **Lương Triệu Đ** - Sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2023 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và trong quá trình xét xử, nguyên đơn **Phân Thị T** trình bày: Chị kết hôn với anh **Lương Triệu Đ** trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2002 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ thường xuyên đi sớm, về khuya, ghen tuông vô cớ, nhiều lần hành hung chị và con làm ảnh hưởng đến tinh thần và thể xác. Đến năm 2021 thì mâu thuẫn nhiều hơn, anh Đ đã có lần đánh đập chị đến mức chị phải báo cáo Tổ dân phố can thiệp. Vì con còn nhỏ và không muốn gia đình đổ vỡ nên chị đã nhiều lần tha thứ cho anh Đ. Tuy nhiên, anh Đ vẫn không thay đổi, vẫn sống vô trách nhiệm, ích kỷ, chỉ nghĩ cho bản thân, không cùng chị chăm lo nuôi dạy con cái, không làm tròn trách

nhệm người chồng, người cha trong gia đình. Do thường xuyên mâu thuẫn nên chị và con đã ra ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh Lương Triệu Đ. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lương Đình T1 (sinh ngày 30/4/2004) và cháu Lương Đình V (sinh ngày 30/4/2006). Do cháu Lương Đình T1 hiện đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lương Đình V, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 21/01/2024, anh Đ đến Tòa án để giao nộp cho Tòa án Đơn kháng cáo. Thẩm phán đã giải thích Đơn kháng cáo là văn bản thể hiện ý kiến không nhất trí một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vụ việc ly hôn giữa chị T và anh Đ và chị T vẫn đang quá trình giải quyết, chưa xét xử hoặc có quyết định giải quyết nên việc anh Đ kháng cáo là chưa đúng thời điểm. Tòa án đã yêu cầu anh Đ trình bày ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản để Tòa án xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, sau khi được giải thích, anh Đ không trình bày ý kiến, quan điểm của mình về vụ việc mà chỉ giao nộp cho Tòa án đơn kháng cáo nêu trên, đồng thời thông tin (miệng) cho Tòa án biết là anh và chị T không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tòa án lập biên bản về việc anh Đ nộp đơn kháng cáo nhưng anh Đ không ký vào biên bản, đồng thời bỏ về với thái độ không hợp tác.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà theo quy định cho anh Đ nhưng anh Đ từ chối nhận các văn bản tố tụng. Anh Đ cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2024 với Tổ dân phố về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh Đ thể hiện: Anh Lương Triệu Đ và chị Phần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng anh Đ, chị T sống hòa thuận, hạnh phúc không thấy có mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ chơi bời và ghen tuông vô cớ. Khi uống rượu say, anh Đ hay đánh đập vợ con nhiều lần. Tổ dân phố đã trực tiếp đến giải quyết, hòa giải mâu thuẫn cho anh Đ, chị T vài lần do anh chị xung đột bạo lực, gây mất trật tự, trị an Tổ khu phố. Hiện nay, anh Đ và chị T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Kết quả xác minh ngày 27/02/2024 với UBND thị trấn Đ cho thấy: Qua tra cứu Sổ Đăng ký kết hôn quyển số 01 TP/HT - 1999 - B, mở ngày 01/01/1999 của UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang thể hiện: anh Lương Triệu Đ và chị Phần Thị T có thực hiện việc đăng ký kết hôn và đều ký tên xác nhận thực

hiện đăng ký kết hôn tại trang số 39, số thứ tự 32, ngày đăng ký kết hôn 24/12/2002.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm như sau: *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ của đương sự, tổng đạt, các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. *Về việc tuân theo pháp luật của đương sự:* Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phần Thị T được ly hôn với anh Lương Triệu Đ. Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Phần Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lương Đình V đến khi đủ 18 tuổi; anh Lương Triệu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: Chị Phần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lương Triệu Đ không có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Phần Thị T về việc xin ly hôn với anh Lương Triệu Đ được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn đều từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do anh Đ vắng mặt nên chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không hòa giải được. Do anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phần Thị T và anh Lương Triệu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang vào ngày 24/12/2002. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, chơi bời, ghen tuông vô cớ, không chăm lo

cuộc sống vợ con, gia đình mà còn đánh đập vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra từ lâu nhưng do chị T không muốn gia đình tan vỡ, con cái còn nhỏ nên đã chịu đựng tha thứ cho anh Đ nhiều lần, tuy nhiên, anh Đ không thay đổi. Đến năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều hơn, anh Đ đã có lần đánh đập chị đến mức chị phải báo cáo Tổ dân phố can thiệp. Do không thể sống chung với nhau được nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không còn ai quan tâm, chăm sóc tới nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ cho anh Đ để giải quyết vụ án nhưng anh Đ đều từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời đều vắng mặt không có lý do. Tại Đơn kháng cáo đề ngày 21/01/2024 (thực chất là văn bản thể hiện ý kiến của anh Đ, vì khi đó vụ án vẫn đang trong quá trình giải quyết) anh Đ thể hiện ý kiến không nhất trí ly hôn nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tuy nhiên, anh Đ đã không thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc vợ chồng mà còn có hành vi bạo lực gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh Đ có 02 con chung là Lương Đình T1 (sinh ngày 30/4/2004) và Lương Đình V (sinh ngày 30/4/2006). Hiện nay, cháu Lương Đình T1 đã trên 18 tuổi, còn cháu Lương Đình V hiện ở cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu V cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh Đ không thể hiện ý kiến của mình về việc nuôi con chung. Trên cơ sở nguyện vọng của nguyên đơn, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của cháu V, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lương Đình V cho chị Phần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không thể hiện ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phần Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phần Thị T ly hôn với anh Lương Triệu Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lương Đình V (sinh ngày 30/4/2006) cho chị Phần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lương Triệu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Buộc chị Phần Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang, theo Biên lai thu tiền số 0003654 ngày 13/12/2023 (chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Chị Phần Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Lương Triệu Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**